TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Tân

Bà Nguyễn Thị Tường Vân

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà:*** Bà Trương Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2026/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1043/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1029/2026/QĐST – HNGĐ ngày 17/8/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm: 1996

Số CCCD: 038196xxxxxx

Địa chỉ: Thôn B (nay là thôn V), xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn D, sinh năm: 1987

Số CCCD: 038087xxxxxx

Địa chỉ: Khu phố N (nay là thôn V), xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị T và anh D (chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị T *trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Đỗ Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã V, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 13/9/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau,

luôn bất đồng quan điểm sống, anh D không chịu khó làm ăn, thường xuyên rượu chè dẫn đến vợ chồng cãi vã lẫn nhau. Từ tháng 06/2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Đỗ Văn D.

Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Đỗ Văn D có 02 con chung là Đỗ Gia B, sinh ngày: 20/12/2016 (giới tính: Nam) và Đỗ Gia K, sinh ngày 14/6/2020 (giới tính: Nam). Các con phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay các con ở cùng với anh D và ông bà nội. Khi ly hôn chị T đề nghị giao cả hai con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng (đây là nguyện vọng của các con). Việc cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Trương Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh D.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/5/2026, chính quyền địa phương xã V, tỉnh Thanh Hóa nơi chị T, anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: chị Trương Thị T, sinh năm: 1996 và anh Đỗ Văn D, sinh năm: 1987, kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V (nay là UBND xã V, tỉnh Thanh Hoá). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh D, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Về con chung, chị T và anh D có 02 con chung là cháu Đỗ Gia B - sinh ngày: 20/12/2016 (giới tính: Nam), cháu Đỗ Gia K - sinh ngày 14/6/2020 (giới tính: Nam). Các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh D và ông bà nội tại địa phương. Về điều kiện kinh tế, chị Trương Thị T và anh Đỗ Văn D làm lao động tự do nên thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Về đạo đức, lối sống, quá trình sinh sống tại địa phương xã V, chị T và anh D có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa chị Trương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị T, xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn D.

Giao cả hai con chung là cháu Đỗ Gia B, sinh ngày: 20/12/2016 và cháu Đỗ Gia K, sinh ngày 14/6/2020 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

-Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Đỗ Văn D có hộ khẩu thường trú tại xã V, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Anh Đỗ Văn D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh D cố tình trốn tránh. Chị Trương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D không có mặt theo quyết định của Toà án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh D là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Đỗ Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã V, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 13/9/2016. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị T và anh Đỗ Văn D là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ tháng 06/2023 khi chị T đi nơi khác để ở, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị T xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn với anh D. Quá trình giải quyết vụ án anh D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh D không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Trương Thị T và anh Đỗ Văn D đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn D là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Đỗ Văn D có 02 con chung là cháu Đỗ Gia B, sinh ngày 20/12/2016 và cháu Đỗ Gia K, sinh ngày 14/6/2020. Khi ly hôn chị T đề nghị giao cả hai cháu cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Qua quá trình xác minh tại địa phương xác định cháu Đỗ Gia B và cháu Đỗ Gia K

hiện nay đang ở cùng anh D và ông bà nội tại địa phương. Các cháu phát triển bình thường về thể chất và trí lực, toà án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu B theo quy định, tại biên bản lấy ý kiến cháu B cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Đỗ Gia B và cháu Đỗ Gia K đang được anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của các cháu đang ổn định. Các cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần. Chị T có nguyện vọng giao cả hai con cho anh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và dạy dỗ các con, các con cũng có nguyện vọng tiếp tục ở cùng với bố. Nguyện vọng của chị T và các con là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu bé về mọi mặt, cũng như không phải tách rời hai anh em. Do đó, giao cả hai cháu Đỗ Gia B và cháu Đỗ Gia K cho anh D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Chị Trương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn D.

2. Về con chung:

2.1. Giao cả hai con chung là Đỗ Gia B, sinh ngày 20/12/2016 (giới tính: Nam) và Đỗ Gia K, sinh ngày 14/6/2020 (giới tính: Nam) cho anh Đỗ Văn D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Trương Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

2.3. Chị Trương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Vì lợi ích của con theo yêu

cầu của một hoặc các bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0002074 ngày 19/3/2026. Chị Trương Thị T đã nộp đủ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Anh Đỗ Văn D không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Trương Thị T và anh Đỗ Văn D. Chị T và anh D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã V;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Thị Hương Giang